TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/HSST
Ngày 26 tháng 11 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân

1.Bà Trương Thị Quý

2.Ông Cao Xuân Bằng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bá Thước

Đại dienj viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa

Bà Hà Phương Lan: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2020, tại thôn Hiềng xã Kỳ Tân, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa; Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 27/2020/HSST ngày 07/10/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03 ngày 10/11/2020

Đối với các bị cáo

1. Bị cáo ***Nguyễn Anh T*** ; Sinh năm 1977; Giới tính : Nam

Căn cước công dân số:037077003144 cấp ngày 14/5/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát.

Nơi cư trú:Thôn Đ C , xã P L c, huyện N Q , tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa¸: 9/12.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Nguyễn Thiện T (đã chết) và bà Lê Thị N sinh năm 1946

Gia đình có 06 anh em bị cáo là con thứ 4

Bị cáo có 01 vợ là Ngô Thị Ni N (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2005

Tiền sự : Ngày 10/3/2017 bị áp dụng biên pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 06/2017/QĐ-TA của Tòa án huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình, thời hạn 24 tháng. Ngày 16/3/2019 chấp hành xong.

Tiền án: 03 tiền án

- Ngày 30/11/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 08 năm 06 tháng về tội" cướp giật tài sản"; ngày 25/12/2013 chấp hành xong hình phạt tù, chưa thực hiện trách nhiệm bồi thường dân sự.

- Ngày 25/9/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp tỉnh Ninh Bình xử phạt 33 tháng tù về tội "cướp giật tài sản"

-Ngày 30/9/2020 Bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội " cướp giật tài sản"

Nhân thân: Ngày 23/9/2014 bịTòa án nhân dân thành phố Tam Điệp tỉnh Ninh Bình xử phat 30 tháng tù về tội " tàng trữ trái phép chất ma túy" thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2020 đến nay.

2. ***Bùi Ngọc T*** (Tên gọi khác T Khèo); Sinh năm 1979; Giới tính: Nam (có mặt)

Giấy chứng minh nhân dân số: 1782430781 cấp ngày 21/7/2003

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn N T , xã N T , huyện T T , tỉnh Thanh Hãa.

Nghề nghiệp: LĐTD; trình độ học vấn: 3/12.

Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Bùi Văn K (đã chết) và bà Bùi Thị K sinh năm 1954

Gia đình có 05 anh em bị cáo là con đầu

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị N đã ly hôn có 01 con sinh năm 2006.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/9/2020 đến nay.

Nhân thân: Ngày 04/01/2006 bị Công an huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh hóa xử phạt hành chính về hành vi " trộm cắp tài sản";

Ngày 09/11/2006 bị áp dụng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quyết định số 3262/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thanh Hóa, ngày 14/11/2008 chấp hành xong.

- Ngày 25/11/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành xử phạt 18 tháng tù về tội " cưỡng đoạt tài sản" đã chấp hành xong bản án.
- Ngày 30/9/2020 Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc xử phạt Bùi Ngọc Tân 24 tháng tù về tội " cướp giật tài sản" bị cáo Tân kháng cáo,
- Ngày 04/5/2020 bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Thủy khởi tố bị can số 39 về tội " cướp giật tài sản"

Tiền sự : Không

Tiền án: 01

Tại bản án số 71 ngày 25/9/2020 Toà án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình xử phạt Tân 21(hai mốt) tháng tù về tội "cướp giật tài sản"

Người bị hại: Bùi Thị H ; sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Thôn T L , xã C T , huyện C T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau;

Khoảng 2 giờ sáng ngày 23/02/2020 T điều khiển xe mô tô BKS 36E1-344.41 chở Tuấn ngồi sau đi từ huyện Thạch Thành đến khu vực chợ Cành Nàng huyện Bá Thước vào khoảng 4 đến 5giờ cùng ngày. T quan sát thấy chị Bùi Thị H đang ngồi bán cá ở cổng chợ Cành Nàng và để túi xách trên đùi phía trước. T dừng xe lại đứng ngoài cổng chợ chờ sẵn, T đi vào định giật túi của chị H thì nhìn thấy có người đi lại gần chỗ chị H nên T quay ra chổ T đứng quan sát. Một lúc sau, thấy chị H ngồi một mình nên T đi vào chợ tiến lại gần chị H , dùng tay giật túi xách của chị H rồi chạy ra chổ T đang ngồi sẵn trên xe mô tô và cả hai phóng xe tẩu thoát. Khi về đến nhà (bố nuôi của T) là Ngô Đại C ở thôn Hợp thành, xã Thành Hưng, huyện Thạch Thành. T n và T kiểm tra thấy trong túi có 68.000.000đ (sáu mươi tám triệu đồng tiền mặt tiền ngân hàng nhà nước việt nam) và 01 dây chuyền vàng 05 chỉ loại vàng 9999, 01 nhẫn tròn trơn 01 chỉ loại vàng 9999 đều có ký hiệu cuả hiệu vàng Phúc Liên; 02 nhẫn vàng tròn trơn loại mỗi nhẫn 01 chỉ vàng 9999 có ký kiệu vàng Thịnh Hường; 01 thẻ ngân hàng, 01 chùm chìa khóa và một số giấy tờ khác. T và T chia đôi số tiền mỗi người 34.000.000đ (Ba mươi tư triệu đồng).

Sau đó T cầm theo túi xách và các tài sản đồ vật đi mô tô về nhà ở Nho Quan, Ninh Bình. Còn Tân đi taxi từ Thạch Thành ra nhà Tuấn ở Nho Quan Ninh Bình hết

1.000.000đ (Một triệu đồng). Về đến nhà T thì T và T đi xe mô tô mang túi xách và các đồ vật trong túi đi đốt tại một nghĩa trang gần nhà T . Rồi cùng nhau mang số vàng cướp được đi bán (tại một cửa hàng vàng không nhớ rõ địa chỉ) được 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) chia đôi mỗi người được 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) xong ai về nhà đó. Số tiền cướp được T và T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 28/02/2020 HĐĐG tài sản huyện Bá Thước đã kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt 08 chỉ vàng loại vàng 9999 trị giá 36.800.000đ (ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Như vậy tổng số tiền hai bị cáo cướp giật của chị H là 68.000.0000đ tiền mặt cộng 36.800.000đ (giá trị 08 chỉ vàng 9999) là 104.800.000đ (Một trăm linh tư triệu tám trăm nghìn đồng).

Người bị hại trình bày: Bị cướp giật mất 111.200.000đ tiền mặt và 08 chỉ vàng nên yêu cầu các bị cáo bồi thường 148.000.000đ. Nhưng các bị cáo công nhận tiền cướp giật chỉ có 68.000.000đ (tiền mặt) quá trình đối chất các bị cáo không thừa nhận số tiền mặt 111.200.000đ như vậy số tiền bị hại khai chưa có căn cứ là 43.200.000đ Bốn mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Người bị hại không yêu cầu bồi thường đối với: túi xách, thẻ ngân và chùm chìa khóa.

Trong quá trình điều tra truy tố, và xét xử các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi của mình.

Xe mô tô BKS 36 E 1-344.41 Nguyễn Anh T mượn của chị Lê Thị H sinh năm 1987 ở xã T T huyện T T , tỉnh Thanh Hóa. Chị H không biết T và T đã sử dụng xe đi cướp giật nên ngày 12/7/2020 Nguyễn Anh T đã tự nguyện giao nộp xe cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình để xử lý trong một cướp giật tài sản ngày 14/8/2019 ở thành phố Tam Điệp Ninh Bình.

Tại cáo trạng số: 29/CT-VKSBT-KT ngày 07/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước đã truy tố bị các bị cáo Bùi Ngọc T về tội cướp giật tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 BLHS và Nguyễn Anh T về tội "cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm c, i khoản 2 Điều 171BLHS.

Người bị hại : Người bị hại trình bày bị mất 71.200.000đ tiền mặt và 08 chỉ vàng 9999, tiền bán xe cá thời điểm bị cướp giật đã bán xong cá, tiền bán cá trong túi chưa kiểm khoảng gần 40.000.000đ chưa biết chính xác. Nay yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền là 148.000.000đ (Một tram bốn mươi tám triệu đồng).

Tại phiên tòa các bị cáo khẳng định tiền mặt cướp giật được các bị cáo đến chỉ có 68.0000.000đ gồm tiền mệnh giá 500.000đ, mệnh giá 200.000đ, mệnh giá 100.000đ các bị cáo đã chia nhau mỗi người được 34.000.000đ còn khoảng 200.000đ

đến 250.000đ tiền mệnh giá 5000đ, 2000đ, 1000đ T để trong tủ nhà T nay không còn. 01 dây chuyền vàng 05 chỉ và 03 nhẫn tròn trơn vàng 9999 khi đi bán chủ tiềm vàng cân nói tổng cả dây chuyền và 03 nhẫn là 08 chỉ bán được 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa các bị cáo xin lỗi người bị hại và chấp nhận bồi thường tổng số tiền người bị hại yêu cầu là 148.000.000đ hứa sau khi ra tù sẽ đi làm kiếm tiền trả cho người bị hại.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội "cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 BLHS và tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội "cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm c, i khoản 2 Điều 171BLHS.

Đề nghị cho bị cáo T hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, x khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56; Điều 58 ; Điều 17 BLHS; Tổng hợp hình phạt với bản án số 71 ngày 25/9/2020 của Tòa án thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã xử phạt bị cáo T 33 (ba mươi ba) tháng tù về tội " cướp giật tài sản" và bản án số 27 ngày 30/9/2020 đã bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt bị cáo T 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội " cướp giật tài sản". Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm đến 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng: điểm c Khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 ; Điều 58; Điều 17 BLHS

Xử phạt: Bị cáo Bùi Ngọc T 05 (năm) năm tù đến 05 (năm) năm 02(hai) tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt với bản án số 71 ngày 25/9/2020 của Tòa án thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã xử phạt bị cáo T là 21 (hai mươi mốt) tháng tù về tội " cướp giật tài sản". Bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù đến 06(sáu) năm 11 (mười một) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX công nhận phần tự nguyện bồi thường giữa các bị cáo và người bị hại.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự có giá ngạch của số tiền phải bồi thường.

Về vật chứng: Số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) lái xe Tác xi giao nộp cho cơ quan điều tra là Tân có được do cướp giật nên tuyên trả cho người bị hại 1.000.000đ (một triệu đồng).

Đối anh T lái taxi không yêu cầu Tân phải trả 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền taxi vì T không có khả năng trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định. Về tố tụng và ban hành các Quyết định tố tụng đúng, đủ, chính xác về thẩm quyền, trình tự tố tụng theo quy định của BLTTHS năm 2015. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2.] *Về tội danh*: Căn cứ xác định khoảng 5 giờ sang ngày 22/9/2020 Tân và Tuấn đã cướp giật giá trị tài sản của người bị hại 105.050.000đ.

Các bị cáo khẳng định số tiền mặt cướp giật của chị H chia nhau là 68.000.000đ và có khoảng 200.000đ đến 250.000đ tiền lẻ không chia, số vàng là 08 chỉ bán được 30.000.000đ chia đôi mỗi người được 15.000.000đ. Như vậy chỉ có căn cứ buộc các bị cáo chịu trách nhiệm hình sự với số tiền mặt 68.250.000đ và số tiền bán vàng theo định giá 36.800.000đ. Tổng giá trị tài sản là 105.050.000đ (Một trăm linh năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Đủ căn cứ kết các bị cáo Bùi Ngọc T và Nguyễn Anh T phạm tội "cướp giật tài sản".

Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước truy tố Bùi Ngọc T về tội cướp giật tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 BLHS và Nguyễn Anh T về tội "cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm c, i khoản 2 Điều 171BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Tính chất vụ án:* Đây là vụ án nghiêm trọng. Có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn các bị cáo cùng rủ nhau và cùng thực hiện hành vi tích cực, sau khi cướp giật được thì ăn chia ngang nhau. Song cũng cần phân hóa vai trò cụ thể đối với từng bị cáo. Đối với bị cáo T là người trực tiếp giật túi của người bị hại còn bị cáo T chờ sẵn khi T ra thì điều khiển xe tẩu thoát nên trách nhiệm hình sự của bị cáo T phải nghiêm khắc hơn sơ với bị cáo Tân.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa bàn, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, vì vậy phải xử lý nghiêm minh đủ để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt và đảm bảo tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:*

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Ngọc T và Nguyễn Anh T đều đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T có bố đẻ là liệt sỹ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo T có 03 tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội bị đưa xét xử đây là "tái phạm nguy hiểm" Bị cáo đã bị truy tố với tình tiết định khung "tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 nên không chịu tình tiết tăng nặng tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS nữa.

Bị cáo T có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội bị đưa xét xử nên phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm " quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc tự nguyện bồi thường cho người bị hại 148.000.000đ – 1.000.000đ (đã thu giữ được) = 147.000.000đ, cụ thể mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại 73.500.000đ(bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

[5] *Hình phạt*: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, có tiền án bản thân không chịu làm ăn chỉ muốn hưởng thụ đã xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Cần đưa ra xét xử trước pháp luật và cần thiết có hình phạt nghiêm khắc với các bị cáo đảm bảo tính giáo giục các bị cáo thành người tốt và tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

- Về vật chứng : Tuyên trả cho người bị hại 1.000.000đ (Một triệu đồng) đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

[6.] *Về án phí*: Các Bị cáo Bùi Ngọc T và Nguyễn Anh T chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định và án phí có giá ngạch của số tiền phải bồi thường cho bị hại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ: Điểm c, i khoản 2 Điều 171; các điểm s, x khoản 1Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56; Điều 58; Điều 17 BLHS.

- Khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 136 BLTTHS. điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định vê mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 và mục 1 phần I Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết 326/2016/PL-UBTVQH14

2.Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh T và bị cáo Bùi Ngọc T (T Khèo) và phạm tội "cướp giật tài sản".

3.Xử phạt:

Áp dụng : Điểm c, i Khoản 2 Điều 171; các điểm s, x khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 56; Điều 58; Điều 17 BLHS

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt với bản án số 71 ngày 25/9/2020 của Tòa án thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã xử phạt bị cáo T 33 (ba mươi ba) tháng tù về tội " cướp giật tài sản" và bản án số 27 ngày 30/9/2020 đã bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt bị cáo T 27 (hai mươi bảy) tháng tù về tội " cướp giật tài sản". Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 171; các điểm s khoản 1Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56; Điều 58; Điều 17 BLHS

Xử phạt: Bị cáo Bùi Ngọc T 05 (năm) năm tù giam. Tổng hợp hình phạt với bản án số 71 ngày 25/9/2020 của Tòa án thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã xử phạt bị cáo T 21 (hai mươi mốt) tháng tù về tội " cướp giật tài sản". Bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 06(sáu) năm 09 (chín) tháng tù

Trách nhiệm dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo Bùi Ngọc T và Nguyễn Anh T với người bị hại. Bị cáo T và bị cáo Tuấn mỗi người phải bồi thường cho chị Bùi Thị H là 73.500.000đ (Bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Về về chứng: Tuyên trả cho chị Bùi Thị H 1.000.000đ (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2010/004948 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dấn sự huyện Bá Thước.

4. *Về án phí*: Các bị cáo Bùi Ngọc T và Nguyễn Anh T mỗi bị cáo phải chịu chịu án phí án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Và mỗi bị cáo phải chịu án phí có giá ngạch của số tiền mỗi bị cáo phải bồi thường 73.500.000đ là 3.675.000đ (Ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Án sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bị hại. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- THA Dân sự ;
- Phòng giám đốc án ;
- Công an ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- bị cáo,...;
- Luu hồ sơ;

Trần Thị Quyên